

LUẬN CHÂN CHÁNH

QUYỂN HẠ

Công tử nói: “Tiên sinh buông biện luận của Đàm Thiên, khoa âm vang dậy đất, ân cần thuyên giải. Cốc rét lắng mồi xuân ấy, lời khuyên trùm khắp, ao lạnh đóng băng Đông đó. Vì kẻ hèn đem ánh sáng đầu ngọn đuốc so cùng mặt nhật thường sáng, tự có thể tiêu tiếng chông chân, hớp khí chất vai, trầm nghi chưa trừ, bèn mong Diệu thích. Chỉ có điều thuyên giải trong Linh Bảo đều kết quy thuộc hư nguy đối vọng. Sự tích của Lão Tử đáng nên không hư đối.

Hà Thượng Công là người Thần tiên, xưa kia ở thời vua Hiếu Văn Đế (Lưu Hằng 179-156 trước Tây lịch) thời Tây Hán, kết cỏ làm am ở trên bến sông. Vua Văn Đế ưa thích kinh Đạo Đức, ban sắc các hàng Vương công Khanh tướng, và ba ngàn (3.000) thạch đều khiến tập đọc. Lão kinh có vài câu không hiểu, Văn Đế chẳng thể thông đó, có người nói Hà Thượng Công thường tu tập và đọc Lão kinh, có thể hiểu đó. Văn Đế mới sai sứ mang điều không rõ nghĩa ấy đến hỏi. Hà Thượng Công bảo: “Đạo tôn đức quý không thể xa hỏi”. Khi ấy Văn Đế tự thân đến trên sông dò hỏi điều nghi ngờ, Hà Thượng Công thấy Văn Đế, mới chống đầu, nằm trên cao. Văn Đế rất lấy làm lạ, mới nói cùng Hà Thượng Công rằng: “Khắp trong thiên hạ không đâu chẳng là đất vua, khách ở khắp chốn, không ai chẳng là tôi của vua. Trẫm có thể khiến người sống chết giàu sang. Ông tuy là đức trọng nhưng sao lại tự cao ư?” Hà Thượng Công mới vỗ tay cười lớn, đập giữa hư không, cách đất vài trượng, ngồi trên khí mây năm sắc, trông nhìn xuống Văn Đế mà bảo: “Tôi trên không tới trời, dưới chẳng tới đất, giữa chẳng lụy người. Bệ hạ sao có thể khiến tôi giàu sang hay nghèo hèn ư?” Văn Đế mới nhận biết đó là Thần nhân, mới xuống kiệu kính bái mà tạ tội rằng: “Trẫm vì không đức, nhục nắm giữ tiên nghiệp, đau đầu răn dạy cẩn trọng, thường sợ phước họa. Chí tánh ngu muội, không biết Thánh nhân, cúi đầu dẫn nêu lỗi qua”. Hà Thượng Công mới trao cho Văn Đế hai quyển Tố Thư, và bảo: “Ai đọc sách này, điều nghi sẽ tự giải. Từ khi tôi chú

giải sách này đến nay đã trải qua hơn một ngàn bảy trăm (1.700) năm, truyền trao được ba người, thêm ông nữa là người thứ tư. Ông chớ truyền chẳng phải người đó”. Nói xong, Hà Thượng Công ẩn biến mất.

Căn cứ linh tích ấy, nếu chẳng phải Thánh nhân thì ai biết đó? Do vì vua Văn Đế dốc tin tinh thành cảm thông minh triết. Lão Quân sai Thần nhân ấy trao cho Văn Đế Đạo Đức chương cú. Văn Đế đã nhận xong, Hà Thượng Công mới ẩn bóng trở lại chân về phương trên. Đó là Thần dị rõ ràng hiển trước, há cũng là hư dối ư?”

Tiên sinh bảo: “Lời ông nói đó lại thành hư vọng, nghe đầu đường nói đầu chợ, sao đủ đáng tin cậy? Ông luận bàn vừa rồi là do Cát Huyền làm Tựa Lão kinh, ngụ đối nghiêm sức ngôn từ ấy để mê hoặc vùng Giang tả. Nhân theo chẳng tỏ ngộ, khiến ông nghi ngờ vậy. Trộm phỏng Hán thư Đế kỷ, phàm có đi cầu may, không gì chẳng biên ghi. Đến như từ cung Cam Tuyền cách Kinh đô hơn trăm dặm, mỗi lần vua Văn Đế (Lưu Hằng 179-156 trước Tây lịch) thời Tây Hán đi cầu may thấy đều biên ghi đó. Vả lại, ở thời vua Cảnh Đế (Lưu Khải 156-140 trước Tây lịch) thời Tây Hán, Ngô, Việt v.v... có bảy nước cùng phản. Vì Thái hậu ở Đông cung, Cảnh Đế lui tới thăm hỏi. Hán Thư nói: “Khoảng thời gian vua Cảnh Đế lui tới Đông cung thì vua Văn Đế cầu may ở cung Ngũ tộ, và cầu may nơi đền thờ Hậu Thổ ở Hà đông”, sử đều biên ghi đó. Xét Đạo sĩ Thành Huyền Anh soạn thuật Lão Kinh Sơ nói là: “Hà Thượng Công ở cách thành Thiểm châu ba dặm về phía Nam”. So với đền Ngũ tộ, Cam tuyền, Hà đông xa gấp bội, cơ sao Hán Thư không nói? Hướng gì Hà Thượng Công đạp ngổi giữa hư không ngự trên mây khí, trao sách cho Văn Đế hoàng dương sáng tỏ đạo đức, so với việc của Giao kỷ Thần quang và Lý phu nhân, thì đó là rất nổi bật, lại bỏ mà không biên ghi. Lý ấy chưa thể có được.

Lại nữa, Hà Thượng Công nói: “Tôi chú sách này đã một ngàn bảy trăm (1.700) năm”. Lời nói đó lại là hư vọng. Căn cứ từ sau khi Thành Vương (cơ tụng 1063-1026 trước Tây lịch) thời Tây Chu đánh dẹp Hoài di mới chế định pháp Tỉnh Điền. Ruộng vua ngàn dặm, xuất cách xe muôn thừa. Thiên tử muôn thừa phát khởi từ Thành vương. Từ Thành vương trở về trước không có chế định muôn thừa. Căn cứ Thành vương lúc tại vị cùng Chu Công nhiếp chánh có được ba mươi bảy năm. Đến thời Noãn Vương (Cơ Diên 314-255 trước Tây lịch) thời Chiến Quốc, bị Chiêu Tương Vương (Doanh Tắc 306-250 trước Tây lịch) thuộc nhà Tần giết hại, thì cả thấy có được tám trăm sáu mươi năm. Nhà Tần từ Chiêu Tương Vương đến đời Tử Anh (?) cả thấy có năm mươi năm

là bị Hạng Vũ diệt mất. Qua thời Tây Hán, Cao Tổ (Lưu Ban) ở ngôi được mười hai năm (206-194 trước Tây lịch). Vua Huệ Đế (Lưu Doanh) ở ngôi được bảy năm (194-187 trước Tây lịch), Lã Thái hậu (Cao Hậu - Lã Trĩ) ở ngôi được tám năm (187-179 trước Tây lịch), rồi đến Văn Đế (Lưu Hằng) ở ngôi được hai mươi ba năm (179-156 trước Tây lịch). Từ đời Thành Vương thời Tây Chu đến năm cuối của Văn Đế thời Tây Hán có cả thảy chín trăm ba mươi hai năm. Căn cứ Lão kinh nói: “Làm sao Chúa cuỡi xe muôn thừa mà đem thân khi thường thiên hạ?” Thì rõ Lão Tử đang lúc giảng nói kinh này phải là sau đời của Thành Vương. Chỉ kinh hư nguyệt, chú vốn là giải thích kinh, kinh còn chưa có, sao chú thuật trước? Một ngàn bảy trăm (1.700) năm đó lại là hư dối vậy.

Lại nữa, Hà Thượng Công tự chú Lão kinh rằng: “Thuấn Dao ở Hà tân, Chu Công xuống Bạch ốc”. Rõ ràng lời chú ấy toàn ở sau đời Chu công, nên một ngàn bảy trăm (1.700) năm lại càng hư dối. Sự tích đã hư nguyệt, cảm ứng đâu thật, thuyết ẩn ảnh là vọng đàm, đời trở lại chân sao uốn nắn?”

Công tử nói: “Sử sách không biên ghi, thật cũng khó cậy nương, vì ngu dốt, trông nhìn hẹp hòi nên khiến mê hoặc như vậy. Giáo của Lão Trang hoàng truyền lại đã lâu, hiệu của Đạo sĩ chẳng chỉ nay mới có, Đạo quán tôn dung thiết trí trang nghiêm ở đó, mũ sao khăn trắng, áo mây, xiêm cầu vòng, mắt xem nghiệm xét có thể biết, há tất cả đều hư nguyệt ư?”

Tiên sinh bảo: “Với giáo điển của Lão Trang, tôi đâu hủy phá ư? Vừa rồi phỏng định nghĩa lý kinh Phật thì toàn khác biệt. Luận bàn về thiện thì đồng đường mà mỗi tự chạy quàng, bàn tông thì khác vết mà phân khu. Yếu chỉ của Lão giáo ở nơi mềm dịu, với Phật pháp thì mọi sự rõ ràng nơi nhân quả. Áo nghĩa của hai pho bẩy thiên, quên được mất ở nơi trường ngang bằng vật, tám mươi bốn ngàn (84.000) pháp môn kế hợp tịch diệt ở nơi cảnh Niết-bàn, cốt yếu của tu thân trị nước, trong kinh Đạo Đức đều nói rõ ràng. Xả phàm chứng Thánh quả, văn Bát-nhã càng hiển bày. Đến như dứt chấp phá cảnh, dứt trí quên thân, Lão kinh không gì chẳng nói đó. Ở Hạnh chẳng lập, chỗ tu Tông ấy chỉ ở quả vị cùng cực nói nhân gian mới lên thọ khảo.

Phật lập giáo điển ứng vật theo duyên, tùy loại phân môn, nhân cơ mở hạnh, từ gần đến xa, từ cạn vào sâu. Vượt một niệm tâm chứng quả chân như, hiển bày như đất trời, rõ ràng đồng nhật nguyệt, văn thô xem lướt tựa như tương tham. Diệu lý ngẫm nghiên cứu rõ ràng toàn khác.

Lại nữa, ông nói hiệu của Đạo sĩ chẳng chỉ có ở ngày nay cũng gì

sai lầm ư? Từ lúc mở mang trở lại cho đến cuối thời nhà Tấn, vốn không đội mũ ban cốc, trùm màn lụa vàng, lập tượng Thiên Tôn, tập học kinh Linh Bảo, xưng là Đạo sĩ ấy vậy. Sở dĩ có hiệu Đạo sĩ là do bọn Quảng Thành, Vụ Quang, Sào Do, Quyên Cức, Thoát Lạc thời đại khinh ngạo Vương hầu, chẳng đồng người đời, cao chuộng chí riêng, tiếp đến có để lại vẻ vang quan miện, quần quít chốn suối rừng, Ca Tử Chi để tự mua vui, đánh khảy tổ cầm mà buông tuồng, đến cuối đời thì có tánh tham bay biện chí thích thuật số, đều xưng là Đạo sĩ. Vết dấu tuy khác tục mà y phục chẳng chế riêng.

Ở đời vua Minh Đế (Lưu Trang 58-76) thời Đông Hán, Phật pháp lưu truyền khắp Trung Hạ. Đến trong niên hiệu Xích Ô (238-251) thời Đông Ngô, Cát Huyền là người pháp thuật dâng thư tấu trình Ngô Chủ Tôn Quyền rằng: “Phật pháp là giáo điển của Tây Vực, tại Trung Quốc chúng ta trước kia đã có Đạo giáo, xin nên hoàng dương pháp ấy”. Mới đầu sáng lập thiết đặt một Quán, đến nay gọi Quán là lạm chương vậy. Cát Huyền lại ngụy tạo Đạo kinh, tự xưng là Thái Cực Tả Tiên Công. Nêu Đề kinh ngụy tạo là Tiên Công Thỉnh Vấn Kinh. Tống Văn Minh v.v... lại thêm pháp ấy, tạo chín đẳng trai nghi, bảy bộ khoa lục, tu văn châu lễ dâng hương, hành thức Đạo Đàn toàn phục, chế y phục giấy mũ, dung quỳ bái chiết toàn. Người hành đạo ấy, mới đầu dứt đoạn hôn thú, cấm tuyệt tanh nồng. Lại ngụy tạo các kinh Linh Bảo v.v... vài ngàn quyển. Về sau, Lục Tu Tĩnh lại lập tên hiệu của y phục, áo choàng vầng nguyệt, khăn sao, xiêm cầu vồng, áo tụ ráng, lọng báu chín quang, phan linh mười tuyệt, từ đó hiển trước vậy.

Đến đầu đời vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương, vì Lục Tu Tĩnh làm mê hoặc, nên vua từng kính lễ tuân phụng, nhưng về sau tỏ ngộ đó chẳng phải pháp cứu cánh, nên đích thân vua chế tác văn xả bỏ Đạo giáo. Hiện còn trong Lương Võ Đế tập. Về sau, Lục Tu Tĩnh rong chạy đến Bắc tề. Thời ấy tại Đan dương có Đào Hoàng cảnh là người bẩm tánh hiểu biết nhiều, thông minh hơn người, tự thân làm Đạo sĩ ở tại Quán Chu Dương ở Mao sơn, lẳng lù vô vi, không dự tham việc đời. Người thời bấy giờ xưng gọi là Trinh Bạch tiên sinh, còn gọi là Đào Ẩn Cư, có lăm trước thuật, đều lưu hành ở đời, tự thân vận mặc đạo phục, mà tâm kính phụng Phật pháp. Tại chỗ ở tạo dựng một ngôi tháp, đắp họa tôn tượng Phật, tự thân gầy cứng dưỡng, đề hiệu là Thắng Lực Bồ-tát. Tháp đó nay hiện còn trong Quán Chu Dương ở Mao sơn. Đến nay chẳng bị chim thú làm dơ. Đào Hoàng Cảnh chế lại quan phục, cải đổi Quán ?? làm Quán ??, thực hành giáo của Hoàng đế Lão Tử, ghét

chán pháp Linh Bảo hư nguy xấu xa mà chẳng hành, tự tay viết luận mà bác bỏ đó. Đào Hoàng Cảnh rất được vua Võ Đế mến chuộng, từng đề cử ra làm quan, nhưng trọn chẳng đời đổi. Đào Hoàng Cảnh trước thuật thơ dâng tặng vua Võ Đế, đều đưa vào trong tập, sự tích rõ ràng tỏa sáng nơi trong sử nhà Lương, sao ông lầm hoặc đó”.

Công tử nói: “Đã nghe tiên sinh nói thế, tâm mở ý ngộ, đổi thay nhận biết mê lầm, như vạch nhạc trời rộng, tự mở bày vượt sương”. Mới rời khỏi chỗ ngồi, cúi đầu bái lạy mà sám tạ rằng: “Kẻ hèn tôi từ lâu đắm chìm lưới tục, ít rõ được nơm chân, tại đắm dính trong âm thanh hoa vàng, chí mờ tối bởi tấu của tuyết trắng. Tuy từng tiếp thừa Diệu thích, nhưng lại càng kết buộc mối nghi ngờ sâu, hình trí điếc mù đến nỗi như vậy. May nhờ chỉ Nam nay theo vết Bắc. Linh Bảo Thiên Tôn hư vọng như vậy, đến như kinh giáo không gì chẳng là nguy tu. Phàm mọi sai lầm, đều xin nhủ lòng dạy răn, mong dứt bệnh nặng vượt thoát trầm kha!”

Tiên sinh vui vẻ mà đáp: “Nay ông đã tỏ ngộ vậy, cũng chỉ sớm tối mà được. Hãy ngồi lại, có điều gì nghi ngờ cứ tiếp hỏi, tôi sẽ vì ông mỗi mỗi luận bàn đó”.

Công tử nói: “Trong Phật giáo có Tăng Ni hai chúng, trong Đạo pháp có Đạo sĩ và nữ quan hai hàng. Đây kia tương đối oai nghi đủ đầy. Chuẩn cứ theo luật Phật thì chư Tăng thọ hai trăm năm mươi giới, chư Ni thọ năm trăm giới. Nay các Đạo sĩ và nữ quan thọ trì pháp lục đồng đều ngang bằng nhau không có thêm bớt, đều thọ pháp của mười giới Chân văn Thượng Thanh và thọ sự phù lục, chưa biết pháp ấy do ai truyền”.

Tiên sinh bảo: “Đạo sĩ và nữ quan vốn không có giới luật, lại trộm lấy mười giới của nhà Phật để sung vào pháp Chân văn Thượng Thanh ấy, đều dùng lựa quyền mà làm. Trong đó họa làm Phù Đồ và viết chữ ngọc. Chân văn ấy gồm có ba pháp: Một là Tám cảnh tức họa vẽ hình tượng của nhật nguyệt muôn sao. Hai là Năm Lão tức họa vẽ năm lão thần. Ba là Năm nhạc tức họa vẽ làm tượng trạng núi Ngũ nhạc. Ba bản mỗi tự được thọ trì, không cần phải thọ trì tất cả. Thượng Thanh là trong đó viết về quan vị và Phù Đồ v.v... ở trong trời Thượng Thanh. Mới đầu thọ mười giới, tiếp đến thọ Chân văn và sau cùng thọ Thượng Thanh, pháp ấy đầy đủ vậy. Lục, số ấy rất nhiều, không sao nói đủ cả, sơ lược mà nói là có một ngàn năm trăm (1.500) tướng quân, ba - năm Đại tướng quân v.v... các thứ lục. Người thọ Lục ấy mới có thể hành các sự phi cầm chương tiếu. Phật vì Ni là người nữ tánh nhiều ái nhiễm, tùy

căn cơ mà chế pháp, nên gấp bội nhiều hơn Tăng. Pháp lục của Đạo gia do người phàm vọng tạo, đã không biết căn tánh, do đó, Đạo sĩ và nữ quan không có khác biệt. Các pháp ấy đều do Trương Đạo Lăng ngụ tạo nên vậy”.

Công tử nói: “Lão Tử đã không nói thế, hẳn là hư ngụ không còn phải lầm hoặc. Đạo pháp trước vốn không có giới luật, Đạo sĩ không cưới vợ, dựa theo điển ký nào?”

Tiên sinh bảo: “Đạo gia không có luật cấm việc dâm dục. Nay các Đạo sĩ không cưới vợ là học theo chư Tăng mà àm đó, không một bằng cứ. Cho nên ở thời nhà Tùy, Đạo sĩ Lý Bá ở Trung dương quán dâng tấu biểu văn nói: “Chuẩn theo Đạo pháp, Đạo sĩ không điều lệ cấm cưới vợ”. Các Đạo sĩ đều xin cưới vợ. Biểu văn ấy hiện còn trong Lý Bá tập”.

Công tử nói: “Giáo điển không có khoa cấm dục. Cưới vợ đâu trái với giáo điển? Lý Bá xin như thế thật hợp với nghi ấy vậy. Vả lại tông của Đạo giáo; chủ chính ở Lão Tử. Lão Tử làm quan, về sau đến Tây Vực, trọn không dấu vết bỏ vợ xuất gia. Ngày nay các Đạo sĩ xuất gia tuân theo giáo của ai?”

Tiên sinh bảo: “Pháp xuất gia nền tảng ở Tây Vực, Đức Thích-ca từ bỏ ngôi vị Quân Vương sang quý, bỏ sự mến thương của Phi tần, xuất gia tu đạo, sáu năm khổ hạnh, một sớm mai thành Phật. Sau khi thành Phật mới độ Kiều Trần Như v.v... Ở xứ này nguyên không dấu vết xuất gia. Lão Tử vốn tự có vợ, làm quan Trụ sử ở thời nhà Chu, sau đó bỏ nhà Chu, xa đến phương Tây. Thân nguyên là người tục, vốn không tướng trạng bỏ vợ con gia đình thay đổi y phục mà xuất gia. Nên con của Lão Tử tên Tông; con của Tông tên là Hà, làm quan thời nhà Ngụy được phong là Đoạn can. Về sau làm Hán giao Đông phương thái phó, mỗi người đều có biệt truyện. Lại nữa, Lão kinh nói: “Con cháu tế tự không thôi dừng”. Đó là luận y theo giáo mà tu hành, thì con cháu nối dõi đông nhiều, đời đời không dứt, nên nói là không thôi. Đâu khiến đoạn dục ư? Ngày nay Đạo sĩ xuất gia, vốn học theo Phật giáo, không căn cứ gì riêng khác”.

Công tử nói: “Tuy học Phật giáo mà xuất gia, bản tông tự không có giáo ấy, Lão Tử chẳng cấm cưới vợ, Kinh văn lại nói về con cháu. Ngày nay giả sử học theo Phật tông, các người có sự nhận biết há chịu tin theo? Trộm chuông bít tai đâu khỏi người khác nghe. Vọng lập Thiên Tôn, vết tích trước lộ bày; ngụ tạo kinh giáo, lại đã phơi rõ. Linh Bảo, do Tống Văn Minh v.v... ngụ tạo, còn các kinh khác do người nào làm

ra? Cúi xin chỉ rõ, mong thấu suốt cội nguồn”.

Tiên sinh bảo: “Đạo kinh, trừ bộ Đạo Đức hai thiên, Tây Thăng một quyển. Lại có luận Hoàng Đình nội cảnh. Ngoài ra, các kinh đều là ngụy tạo. Lại có kinh Thái Bình một trăm tám mươi quyển, do Vu Cát người đất Thục tạo ra. Người ấy khéo lánh hình tích, chẳng lăm khổ lục kinh Phật, phần nhiều nói về pháp của Đế vương trị nước, việc âm dương sinh hóa v.v... đều biên giáp tý làm thành pho bộ đó. Lại có kinh Thái Thanh, Thượng Thanh v.v... đều thuật về các pháp bay lượn thuốc thang trắng vàng. Đến như Bản Tế năm quyển là do Đạo sĩ Lưu Tấn Hỷ ở thời nhà Tùy tạo nên. Đạo sĩ Lý Trọng Khanh tiếp tục biên soạn mà thành mười quyển, đều mô phỏng biên ghi kinh Phật, lăm trộm lấy việc tội phước, đặt để nhân quả xen loạn Phật pháp.

Từ đầu thời Tiền Đường đến nay, tức có Đạo sĩ Lê Hưng ở Ích châu, Đạo sĩ Phương Trường ở Lễ châu cùng chung tạo kinh Hải Không mười quyển. Đạo sĩ Lý Vinh lại tạo kinh Tẩy Dục để đổi lại kinh Ôn Thất. Đạo sĩ Lưu Vô Đãi lại tạo kinh Đại Hiến để phỏng như kinh Vu Lan Bồn, và tạo kinh Cửu U xếp loại tội phước báo ứng. Ngoài ra chẳng phải các pho bộ lớn. Ngụy dối tức không thể lường tính hơn.

Đâu như Đức Thích-ca là Bạc Đại thánh riêng đáng ngôi vị vua pháp, thiết giáo hoàng hóa ở nước Tây Vực mà tiếng tăm lưu truyền đến Đông Hạ. Căn cứ Ngự Khẩu Thư nói: “Thương Thái Tể hỏi Khổng Tử: “Tam Vương có phải là Thánh nhân ư?” Khổng Khâu đáp: “Tam vương khéo nhậm trí dũng, còn phải Thánh hay không Khổng Khâu tôi chẳng biết”. Lại hỏi: “Ngũ Đế có phải Thánh nhân ư?” Khổng Khâu đáp: “Ngũ đế khéo dùng nhân nghĩa, còn phải Thánh hay không Khổng Khâu tôi chẳng biết”. Lại hỏi: “Tam Hoàng có phải Thánh nhân ư?” Khổng Khâu đáp: “Tam Hoàng khéo dùng thời chánh, còn phải Thánh hay không, Khâu tôi chẳng biết”. Tái Tế kinh ngạc hỏi: “Vậy ai là Thánh nhân ư?” Khổng Khâu đáp: “Khâu tôi nghe ở phương Tây có Bạc Thánh nhân ấy vậy, không trị mà chẳng loạn, không nói mà tự tin. Mệnh mệnh thay dân chẳng thể được mà xưng gọi vậy!” Xét lời nói đó của Tuyên Ni cùng với lời nói trong Tây Thăng của Lão Tử lược đồng. Bá Dương, Trọng Ni đều là người xứ này tôn xưng làm Thánh, hai người ấy đều biết ở phương Tây có Thánh nhân, thì rõ ràng đạo của Đức Thích-ca rộng lớn vậy”.

Công tử nói: “Kẻ hèn tôi từ thuở nhỏ ôm chí cao thượng, sớm trộm vinh dự của đương thời. Khi nói bàn đến đó dùng lấy từ khiến thấy ngợi khen. Cúi nhẹ cao luận có hổ dụng về hết cây, giữa trông Tuyên Ni

cao vợi, thẹn tường bao quanh thấp xấu. Trịnh Hàm trông nhìn yên dưng của Tử Lâm mà rõ biết tâm thức mờ tối biếng lười. Vậy biết truyền lay chín vạn rủ cánh của trời mới lên, đánh nước ba ngàn (3.000) giảng vẫy của biển mới vận. May tiếp nhận chỉ giáo mà nghi trệ đều hết. Trộm thấy, những vị Hồng Nho bạch ốc, Thạc Học Hoàng quan, tài sĩ nắm tay cán hành, tân khách dương mày chỉ tay, đều nói kinh điển của Tam giáo Nho Lão Thích là một, đều lên đường thiện, lý không có ba, từ bi nhân thứ, khác đường mà đồng xét quy, lợi vật giúp đời trăm mối nghĩ mà ngang bằng rốt cùng. Tuy biện giải của Bích Khê Hoàng Diệu chưa thể phân chia đó, tuy ngôn từ cứng chắc hợp dị, đâu thể khác biệt vậy. Mỗi lúc nghĩ ngợi thuyết ấy, giao chiến nơi cõi lòng, xin một lần bàn luận rõ để dứt trừ các thứ lầm hoặc”.

Tiên sinh bảo: “Điều ông nói thật đáng vậy, tôi thường muốn trước thuật luận, nhưng chưa rảnh rỗi chuốc thảo, nhân ông cầu xin được chí ý tôi vậy. Phàm, Tam giáo có lắm phần, chín phái riêng biệt, vốn dấu vết khác, nghĩa ý mới khác, chẳng chỉ thô cạn cùng xa mà ước về phàm Thánh toàn cách. Tầm văn tự như liên quan, nghiên cứu lý rõ ràng chẳng đồng. Từ Bát quái thành tượng, Lục hào lập ngôi vị vạch Long Đồ mà ghi hiệu, trông dấu chân chim để viết sách. Lập đức lập ngôn, ba phần thỏa sướng mỹ hóa của Tam Hoàng; rủ ban răn dạy khuôn phép, năm điển nêu nổi văn chương của Ngũ đế. Kịp đến Cơ Công chế lễ chế nhạc, lớn nhanh phong nhã của Nhị Nam, Khổng phụ tu thi thuật dịch, thuyên giải tinh vi của Thập Dực. Không gì chẳng rõ ràng, định đạo của vua tôi cha con, tiếp đến riêng khác của lớn nhỏ, rõ ràng chồng vợ bè bạn. Dốc hết trung trinh để phụng sự đất nước, kính sùng hiếu để mà giúp cửa nhà, tích chứa cung kính khiêm nhường để tự khắc mình, ban thí nhân thứ để tiếp đãi vật, thuận hòa tín nghĩa để tỏ bày kết giao, chuyên liêm nhượng để suy hành. Đó là năm đức; nghĩa lý lập thân, tuyên bày văn đức để chuyển hóa tập tục, vận Võ Công để an dứt loạn tu cúng tế để cầu thần kỳ, Sùng Tông miếu mà kính tổ khảo. Mở dân săn bắn chài vớt, đổi nghĩa máng lưới, dẫn nguồn bàn du lễ điển đánh săn thú, xẻo tai chặt đầu, giao nhạc chinh chiến, giết mổ sinh linh, khơi phước cúng dâng, xuyên ngực suốt bụng, bày vui rong ruổi, lóc da chết yếu, buông vui thưởng tâm, Hình lễ khơi động mà gian trá nổi bày, phù ấn hiển hiện mà kiêu ngạo phát sinh. Kẻ cướp nước trộm vật hại cha giết vua, kẻ tranh quyền giành lợi diệt tông phế tộc, không ân huệ lớn của từ bi, có nhân đức nhỏ của trắc ẩn. Mê mờ nhân quả ba đời, rõ ràng họa phước trong một kiếp. Ương họa hay tốt lành xưa trước hẳn đợi đến

đời cháu con, tích ác tu thiện tuyệt ở mình báo. Cầu mạng của hiện đời, tuổi thọ có hạn ngắn dài; làm chất của quỷ, thọ không thời kỳ chuyển biến. Do đó nói ham sống ghét chết nghĩa là quý trọng của tánh mạng, người vật đều đồng, loại như ở tình mình đâu nên làm thương hại. Cho nên Tử Cống muốn bỏ cúng tế dê cáo sóc, nghe tiếng nó kêu thương không nhẫn ăn thịt nó, lấy làm tâm của mình, thấu hiểu mạng của kia, chí ý mến sống, ta vật đều vậy. Cho nên Khổng Tử không nếm mùi chim trĩ của Lương Sơn; Vu Định Quốc khoan dung luật hình. Tôn Thúc ngạo âm dương, Bá Sở dùng xương sau đó, Cao môn dùng dải phong đó, Hạng Vũ vùi xe Tần, Bạch Khởi chôn lính Triệu, thân chết dưới Đỗ Bưu, thì phần trên Ô giang. Hoặc họa phước đủ ở hiện đời, hoặc vinh nhục lưu lại cho cháu con. Thân tạo thân chịu tội đồng hiện báo. Nghề nghiệp của cha mà con lưu truyền, thù đáp chẳng phải tự chính mình, cũng có bắn Tuyên Vương để trả lại oán đó, chống Đỗ Hượng để đáp ân đó, vạch sinh mạng Hồ Đột để cưỡi xe, Lưu Ước theo Nguyên Hải mà giúp đỡ. Đó, luận bàn u minh giao tiếp, người quý đối thù, chẳng phải nghiệp duyên của tội phước khác với luân hồi của báo ứng. Nho giáo và Phật giáo khác biệt, như thế đó, rõ ràng vậy.

Phàm, Đạo gia lập giáo khác với Nho lưu, Hoàng đế thuật về Lạc thương đó, Lão Đam tiếp nối then chốt ấy. Xét cứu về cội gốc đó là giữ tinh dưỡng khí, dấu ẩn ánh sáng, an toàn sự sống xa lìa hại họa, vô vi yên lặng, điềm đạm thanh hư, ít riêng bớt muốn. Đó là tông chỉ vậy. Từ sau biến đổi thanh thuần thành mỏng dạt phân ngàm mỗi tự chạy quàng, phải lý của nhất nguyên, lập sai khác của Tam đẳng. Bạc thượng thì bỏ ăn cơm gạo kéo dài tuổi thọ, bay lên tiên vũ hóa như Quảng thành, Hoàng đế. Bạc trung thì giữ mềm dịu rắn cứng cõi, quên biết dứt trí, như Bá Dương, Tử Hư. Bạc hạ thì ruộng bỏ việc đời, giả từ vinh hoa, ẩn nấu nơi núi hang, như Hứa Do, Sào Phụ. Suy cứu vết tích của Thần tiên mọi sự xen lẫn cậy tựa không hư. Căn cứ Hoàng Đế Bản Kỷ thì Hoàng đế thực hành thuật của phòng trung, tu pháp tuân theo dưỡng sinh, ngự bảy mươi hai người nữ, đờm phục chín mươi một kim đan. Lên Đảnh hồ đánh rồng bay, giữa ban ngày lên trời. Quân thần mến thương, gom nhật áo mào kiếm giấy mà táng ở phía Nam Kiều sơn. Tham tâm nghiệp xét ngôn từ ấy, làm sao có được? Phàm táng là khóa lấp che giấu. Tiên nhân bảo sau khi chết con cháu cảm thương mến mộ, bói chọn chỗ đất tốt lành, xây dựng mồ mã, an đặt hồn linh giấu kỹ hài cốt, ngỏ hầu khỏi bị hoạn phơi bày. Hoàng đế cưỡi rồng xanh để bay lên trời, đạp mây tía mà lên xa, cao tạ muôn cơ, cỡi giấy bốn biển, vốn xưa nay

chẳng chết, cơ sao phải táng vùi? Vả lại, Thiệu Bá Tư mục phần Thiểm Di Huệ ở người còn che chở em là Cam Đường Tư Đức Lưu Thọ, hướng gì Hoàng đế ở ngôi vị cửu ngũ, nơi tôn quý của muôn thừa, cưỡi giá rồng để lên tiên, nên thắng bệnh ngủ mà chết. Nếu quần thần mền mộ tâm tình cắn rứt, tức nên lưu lại kính thờ áo mũ, đâu nên chôn bỏ di phục của Hoàng đế để tỏ bày chí ý mền thương? Trọng Tử chưa chết mà đến phúng viếng, Tả truyện cho là trái lẽ; Hoàng đế chẳng băng hà mà táng vùi, quần thần sao khổ lừa dối vậy? Nếu táng cùi là việc không hư dối thì lên Tiên tức là vọng bày. Lý tiến lùi, sự tích có thể rõ biết. Vả lại, ngự nữ cầu tiên, phóng dục cầu quả lại vào cảnh luân hồi, đâu thể lên trường giải thoát? Giả sử khiến chứng đắc thân tiên trọn vẫn chưa lìa khỏi sinh tử. Hướng gì thuật ấy, Hoàng đế nhận thọ từ Quảng Thành, tu ở một phương, vốn chẳng phải pháp xuất thế. Vết tích của Hoàng đế như vậy, truyện thần tiên đều dối bày, đều đã luận bàn trước, khỏi lại phải nói nhiều.

Phàm, Lão Tử lập giáo đầy đủ ở trong văn chỉ năm ngàn ngôn từ. Trang Chu diễn giảng luận, rõ ràng nói yếu chỉ của bảy thiên. Điều rõ ràng về Đạo chỉ thuyên giải lý của âm dương trời đất hòa khí, bốn mùa sinh dục. Nên nói Đạo sinh một, một sinh hai, hai sinh ba, ba sinh muôn vật. Nghiêm Quân bình đẳng giải thích rằng: Một đó là nguyên khí, có nghĩa là hỗn độn chưa phân, không hình trạng có thể thấy. Ở trong Đạo không hình trạng có thể thấy phát sinh một khí, trong sạch của khí là làm trời, dơ bẩn của khí là làm đất. Một khí ấy sinh ra trời đất, là một sinh hai vậy. Nhân đất trời hòa hợp mà sinh âm dương và người, đó là hai sinh ba. Vì người bẩm thọ âm dương, âm dương hay sinh ra các loại phẩm vị động vật thực vật. Đó là ba sinh muôn vật. Nên trong Dịch nói một âm một dương, đó gọi là Đạo. Rõ ràng, Đạo là âm dương. Âm dương nghĩa là Thần minh chẳng thể lường, tức lý của âm dương chẳng thể lường đạt mà có thể biết. Đó là thần diệu vậy. Hay thuận theo lý âm dương ấy, an định điều bẩm nhận, thích nghi phần giữ mềm dịu, điềm đạm, tịch lặng vô vi, tuyệt Thánh trí kiểu tánh, bỏ nghe biết vượt phần, đồng hai quán kiêu diệu, hết hai chấp có không, bỏ dẹp tâm nhon tiến, mở mang chí rỗng nhiều, trừ cường lương cứng mạnh, bỏ đấm nhiễm thanh sắc, thấu rõ mầm họa phước cậy núp, thực hành hạnh từ kiệm khiêm tốn, tức được trọn hưởng thọ khảo, miễn khỏi thân hoạn, con cháu hưng thịnh đông nhiều, tế tự không thôi. Nếu trái lại như thế, thì mạng yếu thượng sinh, chuốc lấy bại lụy, con cháu tuyệt dần về sau không người nối dõi. Nên nói: “Khéo dựng xây không nhỏ bỏ, khéo ôm ấp

không bỏ thoát, con cháu tế tự không thôi”. Trang Chu cởi mở trâu để bảo sự sống của nó, truyền hơi ấm để kéo dài mạng nó, đều muôn vật để phô bày dáng tráng kiện, hủy tứ chi để bỏ mền tiếc hình hài. Thuật nhận gỗ dùng làm phương dứt ngu trí đấm giữ, dụ chỉ ngựa để thấy quên đất trời chấp trước. Lẫn lộn biến hóa mà mộng Hồ Điệp, một thọ yếu mà kéo dài thương tử. Núi Thái nhỏ so với đầu mảy lông, thì có hư vọng của lớn bé ấy hiển bày. Cây nắm lớn so với thông to thì buộc của nem ngắn mới giả. Đó đều là Trang Chu thuyên giải tục tình chấp trước, bèn có thật của ngắn dài gian xú, mà khởi tâm nhân ngã tham xấu, lợi mình tổn hại vật, đến nỗi phải chuốc lấy họa hoạn. Đó là luận về trong một đời có điên đảo như thế, chết yếu hại mạng, buộc lụy bại thân, không có nghĩa minh báo ở tương lai, lý nghiệp duyên ở quá khứ. Ngay đời này tạo làm việc thiện ác, tùy việc làm đó mà ngay đời này nhận chịu quả báo. Cùng như điều nói ở sách Nho giáo, đại ý tương đồng. Đó đủ rõ Phật giáo và Đạo giáo hoàn toàn khác biệt”.

Công tử nói: “Tam giáo xa vời sai khác như thế, thuyết của lý sao có thể đồng ư? Vậy biết, Tử Hư thực hành tâm hai để quên thân, chẳng phải vì kẻ khác mà cầu phước. Trọng Ni khiết trai để biến thức ăn, đâu liên quan gá nhân cầu quả. Giả sử Đạo cúng để khơi dậy sự trợ giúp của minh tư, tạo Thiên Tôn để mong cầu công Tế bạt. Sao hư phí ư? Sao hư phí ư? Mà từ này và mãi về sau ngõ hầu miễn khỏi. Nhưng pháp của Chương Tiếu, thuật của Phù Cấm, so thấy người thực hành đó, lúc nào cũng có hiệu nghiệm. Việc ấy như thế nào? Lại xin bày chỉ rõ”.

Tiên sinh bảo: “Điều ông vừa hỏi, thật có lý vậy. Vả lại, người thực hành Chương Tiếu là hạng tế tự vậy. Việc cầu đảo xuất phát đến nay đã lâu xa. Chẳng phải chỉ pháp của Trương Đạo Lăng. Ở thời Hoàng đế Thái Công đã thực hành thuật ấy. Tiếu là tên gọi khác của Tế. Lễ điển trước thuật nghĩa ấy. Trương Đạo Lăng nhân đó mà tu theo. Người thực hành pháp ấy thì gọi là Tế Tửu. Đó tức là kỹ nghệ của người có pháp thuật trong thế tục. Đạo sĩ trộm pháp đó để cầu lợi dưỡng, vốn chẳng phải tông của Đạo giáo. Đó là xen lẫn đến lý của Quỷ đạo thần kỳ. Tục đế vọng tình, không gì chẳng việc ấy, cùng đồng loại như Thầy là âm dương, bói toán lá cỏ, tế giao, chú thầy. Người hành pháp đó, tự là Thái thường sở ty, chẳng hợp lệ ty tân chùa Quán, Tăng Ni. Do vì thuộc Ty tân chùa là vì Phật pháp từ nước Tây Vực lại, đồng như các ngoại khách. Đạo sĩ vốn chẳng phải khách, tự nhiên không hợp thuộc Ty tân chùa Quán. Lại nữa, thực hành pháp Chương Tiếu tế tự tức là Ty lễ việc chùa. Chỉ vì chùa quán có sự tương đối, nhân đó bèn thuộc

Ty tân. Lấy thật mà luận bàn thì đó chỉ hợp sự quản lý của giao xã. Lại nữa, Phù là Quỷ lục, thực hành đó đối với đạo của quỷ thần vì vậy mà có ứng nghiệm, cũng không đáng lấy làm quái lạ vậy”.

Công tử bỗng nhiên biến tan hết nghi ngờ, vui vẻ đánh lễ mà sám tạ rằng: “Kẻ hèn tôi tập quen ngọt đắng, ở nơi chợ cá mà quên cả mùi hôi hám, đắm chìm vui lấp suốt thời gian dài, nay đã thuộc buổi ánh sáng ngã bóng về Tây xa vời, mới tỏ ngộ chẳng còn tệ, cuồng điên rảo chạy Đông. Sáng sớm được nghe, chiều tối chết hẳn an úy với tâm ý soi xét. Kính cẩn vâng theo sự chỉ bảo, xin tuân theo yếu chỉ ấy, viết vào vạt áo để tự răn, lưu truyền đến tương lai, khiến những người bị vấp ngã cải đổi tâm thế tục mờ tối, những bậc tài sĩ hoàng thông thấu suốt nghĩa lý của chân như”. Bèn dùng nghiên bút làm luận để lại cho đời sau.

